UBND HUYỆN CƯ'MGAR
TRƯỜNG THCS NGUYỄN TRƯỜNG TỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 130/KH-GDNTTO

Ea H'đinh, ngày 21 tháng 9 năm 2022

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2022-2023

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Căn cứ Luật giáo dục năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo; Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT, ngày 15 tháng 9 năm 2022 Ban hành Điều lệ trường THCS, THPT và Trường PT nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 về việc ban hành chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư 20/2021/TT-BGDĐT ngày 01/7/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi bổ sung Điều 3 Thông tư 32/2010/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông;

Căn cứ Công văn số 1496/BGDĐT-GDTrH ngày 19/4/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục trung học năm học 2022 – 2023;

Căn cứ Quyết định số 4660/QĐ-BGDĐT ngày 04/12/2019 của Bộ GDĐT về việc ban hành danh mục các mô đun bồi dưỡng giáo viên cốt cán và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông cốt cán để thực hiện công tác bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 1772/QĐ-UBND ngày 09/7/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2019-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 108/KH-THCSNTTO ngày 15/9/2019 của trường THCS Nguyễn Trường Tộ về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 giai đoạn 2019 – 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 101/KH-THCSNTTO ngày 10/9/2020 của trường THCS Nguyễn Trường Tộ về việc ban hành Kế hoạch xây dựng và phát triển trường THCS Nguyễn Trường Tộ giai đoạn 2020 – 2025;

Căn cứ Chỉ thị số: 1112/CT-BGDĐT, ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện nhiệm vụ trọng tâm năm học 2022-2023;

Căn cứ Quyết định số: 1834/QĐ-UBND, ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2022-2023 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Trường THCS Nguyễn Trường Tộ xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện giáo dục nhà trường năm học 2022-2023 với các nội dung, yêu cầu cụ thể như sau:

II. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH NHÀ TRƯỜNG

1. Bối cảnh bên ngoài

1.1. Thời cơ

- Đảng và Nhà nước có chủ trương rõ ràng về việc chỉ đạo thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo (GDĐT) thông qua Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo.

- Toàn thể các Bộ, Ban, Ngành đều hiểu được sự cần thiết phải thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông để thay đổi vận mệnh và sự phát triển của quốc gia. Các Bộ đã có những phối hợp để có văn bản hướng dẫn các địa phương thực hiện các điều kiện như xây dựng cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị dạy học; chế độ tiền lương cho giáo viên, chế độ học sinh vùng khó khăn, người dân tộc.

- Chương trình (CT) giáo dục phổ thông (GDPT) 2018 là chương trình mở, tăng tính chủ động cho nhà trường.

- Sự phát triển mạnh mẽ công nghệ thông tin (CNTT) 4.0 và sự tuyên truyền của các cấp và nhà trường nên xã hội và phụ huynh học sinh (PHHS) nắm bắt được những lộ trình và các điều kiện cần có để đáp ứng thực hiện đổi mới Chương trình GDPT 2018.

- Các cấp lãnh đạo Đảng, chính quyền rất quan tâm đến việc phát triển giáo dục tại địa phương.

- Chính quyền địa phương luôn quan tâm đến các hoạt động giáo dục của nhà trường. Đảm bảo an ninh trật tự trường học, giáo dục an toàn giao thông (ATGT), các hoạt động ngoại khóa - trải nghiệm…

1.2. Nguy cơ, thách thức

- Học sinh nhà trường chủ yếu là con em đồng bào dân tộc tại chỗ, gia đình thuần nông, khoảng 30% có điều kiện kinh tế khó khăn, cha mẹ lo làm ăn xa nên không quan tâm và quản lý con em trong việc tự học, tự nghiên cứu bài ở nhà.

- Khoảng 65 % phụ huynh chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của việc học tập của con em mình, còn khoán trắng cho nhà trường.

- Thiết bị dạy học của nhà trường chưa thự sự đủ đảm bảo phục vụ cho dạy học nhất là để đáp ứng thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 6, 7 năm học 2022 – 2023 theo danh mục đồ dùng dạy học tối thiểu ban hành theo Thông tư 44/2020/TT-BGDĐT.

- Cơ sở vật chất chưa được đầu tư xây dựng đáp ứng đủ điều kiện đề đề nghị

UBND tỉnh kiểm tra công nhận trường THCS đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1.

2. Bối cảnh bên trong

2.1. Điểm mạnh

- Tổng số CBGVNV: 53, CBQLGD: 03; Giáo viên đứng lớp: 41; Giáo viên chuyên trách PCGD và Đội TNTPHCM: 02; Nhân viên: 07 (01 Kế toán; 01 Văn thư; 01 Y tế; 01 Thư viên; 02 Thiết bị trường học; 01 Bảo vệ). Tỷ lệ giáo viên/lớp đảm bảo theo quy định (41/21 tỷ lệ 1.92 giáo viên/lớp, trừ giáo viên Tổng phụ trách đội và Chuyên trách PCGD – XMC). Cụ thể:

+ Cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên, nhân viên

TT	Họ tên	Ngày sinh	Tuổi	Giới tính	Dân tộc	Chức vụ	Đảng viên	T.độ chuyên môn nghiệp vụ	Môn dạy
01	Bùi Đình Thảo	12/10/1964	58	Nam	Kinh	CBQL	x	ĐH	Văn
02	Nguyễn Bình Xuyên	27/01/1974	48	Nam	Kinh	CBQL	x	ĐH	Toán, Tin
03	Doãn Thị Thu	01/8/1979	43	Nữ	Kinh	CBQL	x	ĐH	Địa
04	Phan Văn Vương	11/02/1985	37	Nam	Kinh	GV	x	ĐH	Toán
05	Nguyễn Thị M Quý	20/01/1984	38	Nữ	Kinh	GV		ĐH	Toán
06	Nguyễn Thị A Đoài	02/01/1981	41	Nữ	Kinh	GV		ĐH	Toán
07	Nông Văn Toàn	27/3/1992	30	Nam	Tày	GV	x	ĐH	Toán
08	Huỳnh Mạnh Dũng	27/11/1980	42	Nam	Kinh	GV	x	ĐH	Toán
09	Lê Thị Thu Hạnh	17/5/1969	53	Nữ	Kinh	GV		ĐH	Toán
10	Lê Hữu Thành	06/3/1985	37	Nam	Kinh	GV	x	ĐH	Toán
11	Lê Tô Juy Ly	30/011982	40	Nữ	Kinh	GV		ĐH	Văn
12	Nguyễn Thị An	20/8/1981	41	Nữ	Kinh	GV	x	ĐH	Văn
13	Đinh Thị Kiều Hoa	27/11/1979	43	Nữ	Kinh	GV		ĐH	Văn-Sử
14	Trần Văn Lâm	12/12/1976	46	Nam	Kinh	GV	x	ĐH	Văn
15	Phan Thi Thu Hằng	07/02/1982	40	Nữ	Kinh	GV		ĐH	Văn
16	H Ngoan Niê	25/6/1986	36	Nữ	Ê đê	GV	x	ĐH	Văn, CN
17	Nguyễn Thi M Hằng	05/6/1978	44	Nữ	Kinh	GV		ĐH	Văn
18	Nguyễn Thị Hoa	23/01/1979	43		Kinh	GV		ĐH	Văn
19	Trần Thị H Nhân	17/9/1990	32	Nữ	Kinh	GV		ĐH	Lý tin
20	Đỗ Ngọc Thông	01/7/1981	41	Nam	Kinh	GV		CĐ	Lý
21	Nguyễn Viết Thìn	25/8/1979	43	Nam	Kinh	GV		ĐH	Lý
22	Nguyễn Văn Việt	15/6/1973	49	Nam	Kinh	GV		CĐ	Hóa sinh
23	Lê Thi Hồng Mậu	15/3/1980	42	Nữ	Kinh	GV		ĐH	Hóa sinh
24	Y Phước Ayun	26/6/1978	44	Nam	Ê đê	GV		CĐ	Sinh hóa
25	Nguyễn Đức Trường	10/01/1980	42	Nam	Kinh	GV		ĐH	Sinh hóa
26	Phạm Thị Tâm	14/01/1981	41	Nữ	Kinh	GV		ĐH	Sử, GDCD
27	Bùi Văn Thịnh	28/6/1978	44	Nam	Kinh	GV	x	ĐH	Sử, GDCD
28	Phan Anh Quốc	01/11/1979	43	Nam	Kinh	GV	x	ĐH	Sử, GDCD
29	Phạm Trung Thành	18/10/1976	46	Nam	Kinh	GV	x	ĐH	Gdcd
30	Nguyễn Thị Hoa	01/7/1980	42	Nữ	Kinh	GV		ĐH	Địa, Công

TT	Họ tên	Ngày sinh	Tuổi	Giới tính	Dân tộc	Chức vụ	Đảng viên	T.độ chuyên môn nghiệp vụ	Môn dạy
									nghệ
31	Hà Thị Hợi	03/10/1983	39	Nữ	Kinh	GV		ĐH	Địa, Công nghệ
32	Lê Công Hải	12/9/1983	39	Nam	Kinh	GV		ĐH	Tin
33	Bùi Thị Thủy	26/7/1983	39	Nữ	Kinh	GV		ĐH	Tin
34	Nguyễn Thị Nhã Phương	16/7/1988	34	Nữ	Kinh	GV	x	ĐH	Tin
35	Trần Thị Hoàng Yến	20/3/1985	37	Nữ	Kinh	GV	x	ĐH	Anh
36	Lê Thị Cẩm Tú	28/02/1977	45	Nữ	Kinh	GV		ĐH	Anh
37	Trần Khánh Vân	22/5/1978	44	Nữ	Kinh	GV	x	ĐH	Anh
38	Lương Hữu Hải	15/10/1977	45	Nam	Kinh	GV		ĐH	Anh
39	Nguyễn Thị H Hải	25/01/1994	28	Nữ	Kinh	GV		ĐH	Anh
40	Phan Tư Nghiệm	01/6/1983	39	Nam	Kinh	GV	x	ĐH	MT
41	H' Quý Kriêng	12/10/1987	35	Nữ	Kinh	GV		ĐH	Nhạc
42	Võ Thành Quang	19/5/1978	44	Nam	Kinh	GV	x	ĐH	Td
43	Trần Văn Hợi	15/6/1983	39	Nam	Kinh	GV	x	ĐH	Td
44	Chu Thanh Tùng	31/7/1979	43	Nam	Kinh	GV	x	ĐH	Td
45	Trần Thị Khuyên	10/8/1984	38	Nữ	Kinh	NV		CĐ	VT
46	Trần Thị Hoài	19/5/1988	34	Nữ	Kinh	NV		CĐ	TB
47	Trần Thị Liên	14/11/1981	41	Nữ	Kinh	NV		TC	TV
48	H' Djhiêr Hwing	06/11/1988	34	Nữ	Ê đê	NV		TC	T
49	Nguyễn Thị Hằng	12/02/1992	30	Nữ	Kinh	NV	x	CĐ	TB
50	Lê Văn Oai	21/12/1964	58	Nam	Kinh	NV			BV

*** Về bộ môn và trình độ đào tạo giáo viên**

Tổng số	50
Nữ	28
Dân tộc	5
Nữ dân tộc	3
Đảng viên	21
Nữ Đảng viên	6
CBQL	3
Giáo viên	40
Nữ giáo viên	23
Nhân viên	7
Nữ nhân viên	5

Trình độ	
Thạc sỹ	0
Đại học	43
Cao đẳng	04
Trung cấp	03
Sơ cấp	
Tổng	

Trình độ nữ	
Thạc sỹ	0
Đại học	23
Cao đẳng	03
Trung cấp	02
Sơ cấp	
Tổng	

Theo môn	
Toán	8
Lý	3
Hóa sinh	3
Sinh hóa	1
Sử	3
Địa	2
GDCD	1
Tin học	3
Mỹ thuật	1
Âm nhạc	1
Công nghệ	0
Thể dục	3
Ngữ văn	8
Tiếng Anh	5

- Có 30% giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp Huyện trở lên, trong đó có 6,9 % cấp tỉnh, có 02 giáo viên cốt cán được tham gia bồi dưỡng chương trình

giáo dục phổ thông mới.

- Cán bộ quản lý nhà trường công tác lâu năm có nhiều kinh nghiệm, biết tranh thủ sự chỉ đạo sát sao của lãnh đạo các cấp và tập hợp được các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường, tạo lập được sự phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng.

- Đại đa số học sinh ngoan hiền, lễ phép. Có khoảng 85% học sinh có ý thức tốt trong học tập và rèn luyện.

2.2. Điểm yếu, hạn chế

- Tỷ lệ giáo viên chưa đạt chuẩn 9, 3 %. (01 GV đang theo học lớp Đại học)

- Một số giáo viên chưa nắm vững lý luận dạy học đáp ứng năng lực, phẩm chất người học.

- Sân chơi bãi tập còn hẹp ảnh hưởng đến hoạt động vui chơi và luyện tập thể dục thể thao và phục vụ cho các hoạt động ngoại khóa, hướng nghiệp.

- Cơ sở vật chất chưa được đầu tư xây dựng hiện nay còn thiếu các phòng chức năng để xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1.

- Kinh phí dành cho sự nghiệp giáo dục hàng năm được UBND huyện giao còn hạn chế. Công tác xã hội hóa giáo dục trên địa bàn gặp nhiều khó khăn.

- Chương trình giáo dục phổ thông có mốt số nội dung chưa phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường trong việc bố trí, sắp xếp và triển khai thực hiện có hiệu quả đối với giáo viên, học sinh.

- Sự quan tâm, đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị dạy học cho nhà trường diễn ra còn chậm và chưa được quan tâm xứng đáng.

3. Định hướng xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường

3.1. Quy mô số lớp, số học sinh toàn trường năm học 2022-2023

Khối lớp	**Số lớp, số học sinh**				
	Số lớp	**Số học sinh**			
		Tổng số	**Nữ**	**Dân tộc thiểu số**	**Nữ dân tộc thiểu số**
6	6	215	110	166	90
7	5	165	75	135	62
8	5	186	100	143	73
9	4	149	79	107	55
Tổng	**20**	**715**	**364**	**551**	**280**

3.2. Bố trí phòng học, phòng học bộ môn và các phòng chức năng

+ Phòng học

Phòng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lớp	9a1 8a1	9a2 8a2	9a3 8a3	9a4 8a4	Tin 8a5		6a1 7a1	6a2 7a2	6a3 7a3	6a4 7a4	6a5 7a5	6a6

+ Phòng học bộ môn: Phòng 01 Bộ môn Tin (lầu 2)

+ Phòng chức năng: Phòng thư viện, phòng thiết bị, phòng Truyền thống-Đoàn-Đội, phòng Hội đồng. (còn tạm)

3.3. Định hướng thực hiện chương trình dạy học:

- Khối lớp 6 (6 lớp): Thực hiện CTGDPT năm 2018 *(Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018)* không thực hiện dạy học môn tự chọn. Tổ chức dạy học 6 buổi/tuần vào buổi sáng. Hoạt động ngoại khóa, hướng nghiệp trong giờ học và tiết chào cờ đầu tuần.

- Khối lớp 7 (5 lớp): Thực hiện CTGDPT năm 2018 *(Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018)* không thực hiện dạy học môn tự chọn. Tổ chức dạy học 6 buổi/tuần vào buổi chiều. Hoạt động ngoại khóa, hướng nghiệp trong giờ học và tiết chào cờ đầu tuần.

- Khối lớp 8, 9 (9 lớp: khối 8: 5 lớp, khối 9: 4 lớp): Thực hiện Chương trình GDPT hiện hành *(Thông tư số 16/2006/TT-BGDĐT ngày 05/5/2006)*. Tổ chức dạy học 6 buổi/tuần vào buổi sáng khối 9; buổi chiều: khối 8.

- Phương thức tổ chức dạy học: Tổ chức dạy học trực tiếp (100% học tập trung), đẩy nhanh tiến độ dạy học hoàn thành nội dung chương trình.

Căn cứ vào tình hình thực tế của việc phòng chống dịch bệnh Covid-19 mà nhà trường sẽ tổ chức xây dựng kế hoạch dạy học online phù hợp với việc dạy của giáo viên và hoc của học sinh một cách đồng bộ.

3.4. Định hướng tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp:

- Mỗi tuần thực hiện 01 tiết Chào cờ *(thứ Hai)* và 01 tiết sinh hoạt lớp *(thứ Bảy)* tổng cộng 70 tiết.

- Số tiết còn lại 35 tiết nhà trường tổ chức dạy học trải nghiệm theo một số Chủ đề cho từng tuần, tháng phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường và được điều chỉnh trong quá trình triển khai thực hiện.

- Một số chủ đề trải nghiệm, hướng nghiệp định hướng triển khai:

Tháng 9: Chủ đề "An toàn giao thông và phòng chống ma túy học đường. Hình thức tổ chức: Sân khấu hóa, phối hợp với công an xã Ea H'đing, Đội CSGT huyện Cư M'gar tổ chức tuyên truyền Luật Giao thông đường bộ *(6 tiết)*

Tháng 10: Chủ đề "Chào mừng ngày Phụ nữ Việt Nam 20 – 10 và tuyên truyền công tác bình đẳng giới *(6 tiết)*

Tháng 11: Chủ đề "Tôn sư trọng đạo". Hình thức tổ chức: Múa hát chúc mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20 -11 *(6 tiết)*

Tháng 01/2023: Chủ đề "Ngày hội bánh chưng xanh". Hình thức tổ chức: Học sinh trải nghiệm cách gói bánh chưng. Nghe nói chuyện về sự tích bánh dày bánh chưng *(6 tiết)*

Tháng 3: Tổ chức 01 buổi sinh hoạt Tiến bước lên đoàn chào mừng ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh *(5 tiết)*

Tháng 4: Chủ đề "Ngày hội đọc sách". Hình thức tổ chức: Thi kể cấp trường theo sách. *(5 tiết)*

- Tổ chức dạy học tích hợp: Đầu năm học nhà trường chỉ đạo các tổ nhóm chuyên môn xây dựng các chủ đề dạy tích hợp, chỉ đạo việc dạy học phân hóa phù

hợp với đối tượng học sinh.

3.5. Định hướng thực hiện nội dung giáo dục địa phương cho học sinh khối 6 (35 tiết), khối 7 (35 tiết)

- Tổ chức dạy học chương trình giáo dục địa phương 2 tiết/tuần *(tuần 19: 3 tiết/tuần)* vào học kỳ II năm học 2022 – 2023.

- Hình thức tổ chức dạy học: Dạy học trên lớp, dạy học trải nghiệm.

- Nội dung: Dạy những vấn đề cơ bản về văn hóa, lịch sử, địa lý, kinh tế, xã hội, môi trường của địa phương.

- Tài liệu dạy học: Sử dụng tài liệu của tỉnh Đắk Lắk biên soạn đối với nội dung giáo dục địa phương..

- Giáo viên giảng dạy: Căn cứ định mức tiết dạy và trình độ chuyên môn nghiệp vụ của từng giáo viên để bố trí dạy học theo các chủ đề cho phù hợp với khả năng của giáo viên và học tập của học sinh.

- Kiểm tra đánh giá: Theo quy chế kiểm tra, đánh giá học sinh theo Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

II. MỤC TIÊU GIÁO DỤC CỦA NHÀ TRƯỜNG

1. Mục tiêu chung

Sau khi học xong cấp THCS học sinh có đủ phẩm chất và năng lực quy định tại chương trình giáo dục bậc học, học sinh biết điều chỉnh bản thân theo các chuẩn mực chung của xã hội, biết vận dụng phương pháp học tập tích cực để hoàn chỉnh tri thức và kỷ năng nền tảng, có hiểu biết ban đầu về các ngành nghề và có ý thức hướng nghiệp để tiếp tục học lên trung học phổ thông, học nghề hoặc tham gia vào cuộc sống lao động.

Đến năm 2023 trường THCS Nguyễn Trường Tộ đạt chuẩn kiểm định chất lượng ở mức 3, đạt trường chuẩn quốc gia mức độ 1, xây dựng môi trường giáo dục chuyên nghiệp, chất lượng, cảnh quang trường học đẹp.

Đẩy mạnh các nguồn lực, kinh phí đầu tư, trang bị cơ sở vật chất phục vụ cho Chương trình GDPT 2018. Quan tâm thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục theo Thông tư 16/2018/TT-BGDĐT và Công văn số:114/PGDĐT ngày 22/9/2022 của Phòng GD&ĐT huyện Cư M’gar về việc hướng dẫn tiếp nhận tài trợ cho các cơ giáo dục và kinh phí hoạt động ban đại diện cha mẹ học sinh. Từng bước nâng cao chất lượng giáo dục và tiến tới công nhận trường THCS đạt chuẩn quốc gia.

Bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Cụ thể:

- 100% cán bộ quản lý, giáo viên hoàn thành các Môdun BDTX trực tuyến trên hệ thống etep của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- 100% giáo viên được phân công giảng dạy lớp 6 được tham gia tập huấn các kiến thức cơ bản, nâng cao đối với các nội dung chương trình dạy học do các nhà xuất bản giáo dục, Sở, phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức;

100% cán bộ quản lý, giáo viên tham gia bồi dưỡng thường xuyên, chuyên môn

nghiệp vụ năm học 2022-2023.

2. Mục tiêu cụ thể

- Đối với học sinh lớp 6, 7 thực hiện CT GDPT 2018

Số học sinh tuyển sinh đầu cấp: 215 học sinh

Số học sinh nữ: 110 học sinh Dân tộc: 166 học sinh

Số lớp: 6 lớp Số học sinh trên lớp: 35,8 học sinh/lớp Số học sinh lưu ban: 0 HS.

Số học sinh khối 7: 165 học sinh

Số học sinh nữ: 75 học sinh Dân tộc: 135 học sinh

Số lớp: 5 lớp Số học sinh trên lớp: 29 học sinh/lớp Số học sinh lưu ban: 0 HS.

Kết quả phấn đấu đạt được năm học 2022 – 2023

+ Về phẩm chất (khối 6)

Kết quả	Yêu nước		Nhân ái		Chăm chỉ		Trung thực		Trách nhiệm	
	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt
SL	215	0	215	0	180	35	215	0	180	35
%	100	0	100	0	83,7	16,3	100	0	87,3	16,3

+ Về năng lực

Kết quả	Tự chủ và tự học		Giao tiếp và hợp tác		Giải quyết vấn đề và sáng tạo		Năng lực đặc thù											
							Ngôn ngữ		Toán học		Khoa học		Công nghệ		Tin học		Thẩm mĩ		Thể chất	
	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt
SL	180	35	180	35	180	35	180	35	180	35	180	35	180	35	180	35	180	35	180	35
%	87,3	16,7	87,3	16,7	87,3	16,7	87,3	16,7	87,3	16,7	87,3	16,7	87,3	16,7	87,3	16,7	87,3	16,7	87,3	16,7

+ Về phẩm chất (khối 7)

Kết quả	Yêu nước		Nhân ái		Chăm chỉ		Trung thực		Trách nhiệm	
	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt
SL	165	0	165	0	140	25	165	0	140	25
%	100	0	100	0	84,8	15,2	100	0	84,8	15,2

+ Về năng lực

Kết quả	Tự chủ và tự học		Giáo tiếp và hợp tác		Giải quyết vấn đề và sáng tạo		Năng lực đặc thù													
							Ngôn ngữ		Toán học		Khoa học		Công nghệ		Tin học		Thẩm mĩ		Thể chất	
	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt	Tốt	Đạ
SL	165	25	165	25	165	25	165	25	165	25	165	25	165	25	165	25	165	25	165	25
%	84,8	15,2	84,8	15,2	84,8	15,2	84,8	15,2	8648	15,2	84,8	15,2	84,8	1352	84,8	15,2	84,8	15,2	84,8	15,2

- Đối với các khối: 8, 9

+ Đảm bảo 100% học sinh trong độ tuổi ra lớp, không có học sinh bỏ học giữa chừng.

+ Học sinh xếp loại về phẩm chất: Tốt 85 %; Khá 13 %; TB 2,0 %.

+ Học sinh xếp loại về năng lực: Giỏi 7 %; Khá 35 %; TB 54,5 %; Yếu + Kém 3,5 %.

+ 100% học sinh lớp 9 TN THCS.

+ Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên THPT đạt 70%, học nghề đạt 20%.

+ Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp: huy động từ 90% trở lên học sinh tham gia và đạt kết quả khá, tốt.

+ Tổ chức được 4 hoạt động giáo dục kỹ năng sống/ năm học, đảm bảo 100% học sinh cần được hỗ trợ được nhà trường đáp ứng.

+ Tỉ lệ học sinh đạt học sinh giỏi cấp trường 15%, cấp huyện 5 %, cấp tỉnh 0,1%

- Các danh hiệu thi đua:

+ Chiến sĩ thi đua cơ sở : 10 người

+ Nhà trường đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến

+ Liên đội mạnh cấp tỉnh

+ Chi đoàn vững mạnh.

+ Công đoàn cơ sở vững mạnh.

+ Đơn vị văn hóa cấp huyện.

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

1. Hoạt động chính khóa

***1.1. Đối với khối lớp 6, 7*: 35 tuần**

1.1.1. Số tiết tổng thể:

Nội dung giáo dục		Số tiết/năm học	Ghi chú
Ngữ văn		140	4 tiết/tuần
Toán		140	4 tiết/tuần
Tiếng Anh		105	3 tiết/tuần
Giáo dục công dân		35	1 tiết/tuần
Lịch sử và địa lý	Lịch sử	53	105 tiết
	Địa lý	52	
	Chung	Ôn tập Kiểm tra chung giữa, cuối kỳ	
Khoa học tự nhiên	Hóa	28	140 tiết
	Lý	46	
	Sinh	53	
	Tổng hợp KHTN	13	
Công nghệ		35	Học kỳ 1
Tin học		35	Học kỳ I
Giáo dục thể chất		70	
Nghệ thuật	Âm nhạc	35	70 tiết
	Mĩ thuật	35	
Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	Chào cờ + SHL	70	105 tiết
	TN CĐ	35	
Giáo dục địa phương		35	2 tiết/tuần HK2
Tổng số tiết bắt buộc/tuần		**29 tiết/ tuần**	
Tổng số tiết học/ năm		**1015 tiết**	

1.2. Đối với khối: 8, 9

1.2.1. Định mức tiết dạy theo môn:

TT	Môn	Số tiết thực hiện các môn của các khối lớp		
		Lớp 8	Lớp 9	Ghi chú
1	Toán	140	140	
2	Ngữ văn	140	175	
3	Vật lí	35	70	
4	Hóa học	70	70	
5	Sinh học	70	70	
6	Lịch sử	53	53	
7	Địa lí	53	53	
8	Tiếng Anh	105	105	

TT	Môn	Số tiết thực hiện các môn của các khối lớp		
		Lớp 8	Lớp 9	Ghi chú
9	Công nghệ	53	35	
10	Tin học	70	70	
11	GDCD	35	35	
12	Thể dục	70	70	
13	Mĩ thuật	35	18	Dạy ở HK 1
14	Âm nhạc	35	18	Dạy ở HK 1
15	HĐNGLL	24 tiết/ năm		
16	Hướng nghiệp	0	1 tiết/tháng	
Tổng cộng		**988**	**1015**	

1.2.2. Phân bố tiết cho từng học kỳ đối với môn học:

STT	Môn	Lớp 8		Lớp 9	
		HKI	HKII	HKI	HKII
1	Toán	4	4	4	4
2	Vật lý	1	1	2	2
3	Hóa học	2	2	2	2
4	Sinh học	2	2	2	2
5	Ngữ văn	4	4	5	5
6	Lịch sử	2	1	1	2
7	Địa lý	1	2	2	1
8	Ngoại ngữ	3	3	3	3
9	GDCD	1	1	1	1
10	Công nghệ	1	2	1	1
11	Âm nhạc	1	1	1	0
12	Mỹ thuật	1	1	1	0
13	Tin học	2	2	2	2
14	Thể dục	2	2	2	2
15	HĐNGLL	2 tiết / tháng + 6 tiết = 24 tiết			
16	Hướng nghiệp	0		1 tiết/ tháng	

1.2.3. Phân bổ số tiết dạy cho từng học kỳ đối với các môn

STT	Môn	Lớp 8				Lớp 9			
		HKI	TS	HKII	TS	HKI	TS	HKII	TS
1	Toán	4	72	4	68	4	72	4	68
2	Vật lý	1	18	1	17	2	36	2	34
3	Hóa học	2	36	2	34	2	36	2	34
4	Sinh học	2	36	2	34	2	36	2	34
5	Ngữ văn	4	72	4	68	5	90	5	85
6	Lịch sử	2	36	1	17	1	18	2	34
7	Địa lý	1	18	2	34	2	36	1	17
8	Ngoại ngữ	3	54	3	51	2	36	2	34
9	GDCD	1	18	1	17	1	18	1	17

STT	Môn	Lớp 8				Lớp 9			
		HKI	TS	HKII	TS	HKI	TS	HKII	TS
10	Công nghệ	2	36	1	17	1	18	1	17
11	Âm nhạc	1	18	1	17	1	18		
12	Mỹ thuật	1	18		17	1	18		
13	Tin học	2	36	2	34	2	36	2	34
14	Thể dục	2	36	2	34	2	36	2	34
15	HĐNGLL	2 Tiết / tháng + 6 tiết tháng 6,7,8 (Trong hè)							
16	Hướng nghiệp	0						1 Tiết/ tháng	

2. Hoạt động trải nghiệm:

2.1. Đối với lớp 6, 7: **105 tiết** *(Phụ lục 1)*

2.2. Đối với khối lớp 8, 9

Tiếp tục áp dụng các chủ đề đối với Hoạt động ngoài giờ lên lớp ban hành kèm theo Kế hoạch số: …../KH-THCSNTTO ngày …./9/2022 của trường THCS Nguyễn Trường Tộ về việc tổ chức hoạt động NGLL năm học 2022 – 2023.

3. Các hoạt động giáo dục

3.1. Bồi dưỡng học sinh giỏi

Đầu năm nhà trường tổ chức thi chọn học sinh giỏi các khối lớp 8, 9 cấp trường. Trên cơ sở đó thành lập đội tuyển tổ chức bồi dưỡng tham gia dự thi cấp Huyện.

Khối lớp 8, 9 ở gồm các bộ môn: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lý, Tin học. Phân công giáo viên có năng lực, kinh nghiệm phụ trách công tác bồi dưỡng.

3.2. Phụ đạo học sinh yếu kém

- Yêu cầu giáo viên lập danh sách đối với ba môn Toán, tiếng Anh, Ngữ văn trên cơ sở đó Phó hiệu trưởng phân công giáo viên có khả năng và kiên trì, nhiệt tình phụ trách phụ đạo và được tính trong việc tinh giảm tiết dạy

- Các môn khác có HS yếu sẽ phụ đạo ngay trong giờ dạy và bổ sung thêm một số buổi theo Kế hoạch phụ đạo của chuyên môn.

3.3. Đối với công tác đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh

- Triển khai đồng bộ cho tất cả các khối lớp theo các nội dung căn bản của Công văn 5512/BGDĐT-GDTrH và theo các yêu cầu của các bộ môn sau khi hoàn thành BDTX hè 2021 do trường Đại học sư phạm Đà Nẵng, Hà Nội; Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức.

- Chú trọng thực hiện đổi mới phương pháp sinh hoạt nhóm chuyên môn, tổ chuyên môn, Sinh hoạt chuyên đề của tổ, nhà trường theo hướng nghiên cứu bài học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc triển khai các nhiệm vụ dạy-học trong nhà trường. Áp dụng có hiệu quả việc số hóa Kế hoạch giảng dạy (giáo án)

của giáo viên.

- Kiểm tra việc đánh giá, xếp loại học sinh của giáo viên vào cuối mỗi học kỳ phải đảm bảo hướng dẫn theo Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với lớp 6, 7 và Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT; Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT với khối: 8, 9.

4. Hoạt động ngoại khóa

- Tổ chức tìm hiểu về các ngày truyền thống của nhà trường, các ngày lễ dành cho thầy cô, cha mẹ.

- Triển khai có hiệu quả công tác tăng cường công tác quản lý, giáo dục chính trị, tư tưởng đối với Cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trên môi trường mạng năm 2022.

- Các chương trình trải nghiệm, nói chuyện chuyên đề, giáo lưu văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao.

- Tổ chức cho học sinh tham gia trải nghiệm thực tế tại nơi có ý nghĩa như nhà đày Buôn Ma Thuột, viếng nghĩa trang liệt sĩ huyện Cư M'gar, giao lưu với đơn vị trường khác…

- Cho học sinh trải nghiệm về vệ sinh môi trường, sử dụng nhà vệ sinh đúng cách.

5. Đối với mô hình các Câu lạc bộ

5.1. Câu lạc bộ Tiếng Anh. (4 tiết/tháng)

- Mỗi tháng tổ chức cho học sinh sinh hoạt 01 lần.
- Nội dung, hình thức do nhóm bộ môn Tiếng Anh tham mưu.

5.2. Câu lạc bộ thể thao.

- Tiếp tục duy trì câu lạc bộ Vovinam Nguyễn Trường Tộ
- Tổ chức câu lạc bộ bóng đá, bóng chuyền. (Tổ GDTC)

+ Hình thức tổ chức: Học sinh luyện tập vào chiều thứ Tư và thứ Sáu hằng tuần.

+ Tổ chức đá giao hữu giữa các lớp.

+ Tổ chức giải bóng đá học sinh vào tháng 3/2023.

5.3. Câu lạc bộ bạn gái và bình đẳng giới

- Mỗi tháng tổ chức cho học sinh sinh hoạt 01 lần.
- Nội dung, hình thức do Đoàn thanh niên nhà trường, giáo viên Sinh học tham mưu thực hiện.

5.4. Câu lạc bộ STEM và KHKT

- Mỗi tháng tổ chức cho học sinh sinh hoạt 01 lần (4 tiết/tháng)
- Nội dung, hình thức thực hiện: Thực hiện theo Kế hoạch 45/KH-SGDĐT ngày 03/8/2021; Công văn số 1110/SGDĐT-GDTrH-GDTX ngày 30/7/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo; các cơ quan đoàn thể có liên quan của Hội liên hiệp Khoa học kỹ thuật tỉnh Đắk Lắk và các văn bản hướng dẫn của phòng Giáo dục và Đào tạo huyện.Yêu cầu: Có 1- 2 sản phẩm tham gia Ý tưởng KHKT và Sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng cấp huyện.

- Bộ phận thực hiện: Giao Đội TNTP, giáo viên KHTN, Công nghệ phối hợp xây dựng kế hoạch thực hiện

Đối với các câu lạc bộ khác tùy thuộc vào điều kiện, yêu cầu thực hiện của nhà trường để ban hành các quyết định thành lập và xây dựng kế hoạch triển khai hoạt động cụ thể nếu có.

6. Đối với hoạt động đổi mới kiểm tra, đánh giá

- Tiếp tục đổi mới phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá chú trọng phẩm chất và năng lực của học sinh

- Đảm bảo việc kiểm tra đánh giá theo đúng quy định ban hành kèm theo Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với lớp 6, 7; Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT; Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT với khối 8-9. Trong đó chú trọng định mức số con điểm tối đa theo quy định.

Thời gian kiểm tra, đánh giá giữa, cuối học kỳ theo khung thời gian kế hoạch năm học tại Mục IV của Kế hoạch này.

Trong đó:

+ Đối với khối lớp 6, 7:

Nội dung giáo dục		**Số tiết/năm học**	**Số điểm tối đa của một học/ học kỳ**			
			Đánh giá thường xuyên	**Giữa học kỳ**	**Cuối học kỳ**	**Tổng số con điểm**
Ngữ văn		140	4	1	1	6
Toán		140	4	1	1	6
Tiếng Anh		105	4	1	1	6
Giáo dục công dân		35	2	1	1	4
Lịch sử và địa lý	Lịch sử	105	4	1	1	6
	Địa lý					
Khoa học tự nhiên	Hóa	140	4	1	1	6
	Lý					
	Sinh					
	Tổng hợp KHTN					
Công nghệ		35	2	1	1	4
Tin học		35	2	1	1	4
Giáo dục thể chất		70	3	1	1	5
Nghệ thuật	Âm nhạc	35	3	1	1	5
	Mĩ thuật	35				
Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	Chào cờ + SHL	70	4	1	1	6
	TN CĐ	35				
Giáo dục địa phương		35	2	1	1	4

Lưu ý: Đối với các bộ môn Tổ hợp việc kiểm tra đánh giá thường xuyên của môn nào do môn đó đảm nhiệm (Ví dụ: KHTN: 4 điểm đánh giá thường xuyên được chia như sau: Sinh học: 02 con điểm, Hóa: 01 con điểm; lý 01 con điểm). Kiểm tra định kỳ theo tỷ lệ kiến thức của các bộ môn phù hợp với thực tiễn của nhà trường và học sinh

- Đối với các bộ môn: Thể dục, Nghệ thuật, Hoạt động trải nghiệm, Giáo dục địa phương được đánh giá bằng nhận xét: Đạt hoặc Chưa đạt

- Đối với các bộ môn còn lại: Kết hợp giữa điểm số và nhận xét.

Đối với các khối 8, 9

TT	Môn	Số tiết và số con điểm tối đa/học kỳ						Ghi chú
			Lớp 8	Lớp 9	Thường xuyên	Giữa kỳ	Cuối kỳ	Tổng	
1	Toán		140	140	4	1	1	6	
2	Ngữ văn		140	175	4	1	1	6	
3	Vật lí		35	70	2	1	1	4	Khối 9: 3 TX:1GK:1CK
4	Hóa học		70	70	3	1	1	5	
5	Sinh học		70	70	3	1	1	5	
6	Lịch sử		53	53	3	1	1	5	
7	Địa lí		53	53	3	1	1	5	
8	Tiếng Anh		105	105	4	1	1	6	
9	Công nghệ		53	35	3	1	1	5	Khối 9: 2TX:1GK:1CK
10	Tin học		70	70	3	1	1	5	
11	GDCD		35	35	2	1	1	4	
12	Thể dục		70	70	3	1	1	5	Nhận xét
13	Mĩ thuật		35	17	2	1	1	4	Nhận xét
14	Âm nhạc		35	18	2	1	1	4	Nhận xét

+ Đối vơi thời lượng các tiết kiểm tra, đánh giá:

- Đối với lớp 6, 7: Căn cứ quy định theo Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Cụ thể:

Nội dung giáo dục		Số tiết/năm học	Thời lượng kiểm tra	Ghi chú
Ngữ văn		140	90 phút	
Toán		140	90 phút	
Tiếng Anh		105	90 phút	
Giáo dục công dân		35	45 phút	
Lịch sử và địa lý	Lịch sử			

Nội dung giáo dục		Số tiết/năm học	Thời lượng kiểm tra	Ghi chú
	Địa lý	105	90 phút	
Khoa học tự nhiên	Hóa	140	90 phút	
	Lý			
	Sinh			
	Tổng hợp KHTN			
Công nghệ		35	45 phút	
Tin học		35	45 phút	
Giáo dục thể chất		70	45 phút	
Nghệ thuật	Âm nhạc	35	45 phút	
	Mĩ thuật	35	45 phút	
Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	Chào cờ + SHL	70	45 phút	Trừ CC; SHL
	TN CĐ	35		
Giáo dục địa phương		35	45 phút	

- **Đối với các khối còn lại:** Áp dụng theo Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT ngày 27/8/2020 và các văn bản chỉ đạo của phòng Giáo dục và Đào tạo

TT	Môn	Thời lượng	Ghi chú
1	Toán	90 phút	
2	Ngữ văn	90 phút	
3	Vật lí	45 phút	
4	Hóa học	45 phút	
5	Sinh học	45 phút	
6	Lịch sử	45 phút	
7	Địa lí	45 phút	
8	Tiếng Anh	45 phút	
9	Công nghệ	45 phút	
10	Tin học	45 phút	
11	GDCD	45 phút	
12	Thể dục	45 phút	
13	Mĩ thuật	45 phút	
14	Âm nhạc	45 phút	

III. KẾ HOẠCH TỔNG HỢP CỦA NĂM HỌC 2022-2023

1. Khung kế hoạch thời gian năm học

- Ngày tựu trường: 29/82022.
- Ngày khai giảng: 05/9/2022.
- Học kỳ 1: Từ 05/9/2022 đến 07/01/2023.
  Kiểm tra giữa kỳ 1: từ 01/11/2022 đến 06/11/2022.
  Kiểm tra cuối kỳ 1: từ 03/01/2023 đến 08/01/2023.
- Học kỳ 2: Từ 09/01/2023 đến 20/5/2023.
- Nghỉ tết Âm lịch: từ 29/01/2023 đến 06/02/2023
- Kiểm tra giữa kỳ 2: từ 14/3/2023 đến 18/3/2023
- Kiểm tra cuối kỳ 2: từ 02/5/2023 đến 07/5/2023
- Xét tốt nghiệp THCS trước ngày 30/6/2023
- Kế thúc năm học: 31/5/2023

2. Lịch công tác chuyên môn: *(Phụ lục 2)*

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm các thành viên

1.1. Đối với Hiệu trưởng

- Ban hành quyết định thành lập các tổ chuyên môn, bổ nhiệm các chức danh Tổ trưởng, Tổ phó chuyên môn.

- Phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong năm học: GVCN, công tác giảng dạy, công tác kiêm nhiệm…

- Xây dựng dự thảo kế hoạch, tổ chức lấy ý kiến các thành viên trong nhà trường để hoàn thiện kế hạch và triển khai thực hiện kế hoạch dạy học, kế hoạch giáo dục trong nhà trường, kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch.

- Liên hệ với các cơ quan, tổ chức cá nhân có liên quan để tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh.

- Xây dựng kế hoạch và chỉ đạo thực hiện công tác kiểm tra nội bộ.

- Tổ chức các hoạt động, hội thi, hội giảng trong năm.

- Xây dựng tiêu chí thi đua trong nhà trường.

1.2. Đối với các Phó hiệu trưởng

- Xây dựng kế hoạch dạy học.

- Quản lý chỉ đạo các hoạt động chuyên môn, thư viện, thiết bị, quản lý các phần mềm liên quan đến các hoạt động giáo dục.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt đồng ngoài giờ lên lớp; xây dựng kế hoạch và chỉ đạo triển khai thực hiện công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém và các hoạt động khác có liên quan đến công tác giáo dục học sinh.

- Chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động theo đúng Điều lệ trường trung học.

- Tổ chức kiểm tra các hoạt động có liên quan đến chuyên môn.

1.3. Tổ trưởng chuyên môn

- Chủ trì xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ chuyên môn.

- Tổ chức cho các nhóm chuyên môn xây dựng kế hoạch giáo dục bộ môn, duyệt và trình Hiệu trưởng phê duyệt.

- Chủ trì xây dựng kế hoạch dạy học tích cực, kế hoạch dạy học trải nghiệm.

- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn 2 lần/tháng. Chú trọng đổi mới phướng pháp, hình thức dạy học; đổi mới kiểm tra đánh giá. Tập trung vào việc tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học.

1.4. Đối với Tổng phụ trách Đội

- Tham mưu Ban giám hiệu xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nhiệm, hướng nghiệp cho học sinh.

- Thực hiện chương trình phát thanh măng non tuyên truyền công tác phòng, chống COVID-19 trước và trong các buổi học.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoải giờ lên lớp.

- Xây dựng kế hoạch chào cờ đầu tuần, tham mưu hiệu trưởng về việc phân công các thành viên chuẩn bị nội dung chào cờ.

- Tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp quy mô toàn trường.

- Quản lý nề nếp, quản lý đội cờ đỏ nhà trường.

- Phụ trách công tác thi đua học sinh, xây dựng tiêu chí thi đua học sinh

1.5. Đối với nhân viên thư viện, nhân viên thiết bị

- Tham mưu hiệu trưởng về kế hoạch trang bị sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, thiết bị dạy học phục vụ việc giảng dạy theo CT GDPT.

- Xây dựng kế hoạch hoạt động liên quan đến hoạt động của thư viện, thiết bị.

- Tổ chức giớ thiệu sách, thiết bị. Khuyến khích học sinh thường xuyên đọc sách, giáo viên thường xuyên sử dụng có hiệu quả thiết bị và đồ dùng dạy học.

- Tham mưu tổ chức ngày hội đọc sách, hội thi kể chuyện theo sách; tham mưu hội thi làm đồ dùng dạy học.

1.6. Đối với giáo viên

- Nghiên cứ kỹ, nắm bắt CT GDPT 2018 (đối với khối lớp 6, 7), chương trình giáo dục hiện hành (đối với khối 8, 9) và xây dựng kế hoạch giáo dục bộ môn.

- Xây dựng kế hoạch bài dạy phù hôp với phẩm chất, năng lực của học sinh.

- Tổ chức các hoạt động trải nghiệm theo môn học (Giáo viên phải xây dựng kế hoạch ngay từ đầu năm học)

- Phối hợp với nhà trường, liên đội tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm trong và ngoài nhà trường.

Bảng chia định mức tiết dạy giáo viên giảng dạy năm học 2022 – 2023 để làm căn cứ phân công chuyên môn: *(Phụ lục 3)*

Bảng phân công giảng dạy lớp 6 theo Chương trình GDPT 2018

TT	Họ và tên	Chức vụ	Chuyên môn chính	Phân công dạy lớp 6
1	Nguyễn Thị An	GV-CN	Văn	Văn

TT	Họ và tên	Chức vụ	Chuyên môn chính	Phân công dạy lớp 6
2	Lê Tô Juy Ly	GV	Văn	Văn
3	Bùi Văn Thịnh	GV	Sử	LSĐL (Sử)
4	Nguyễn Thị Hoa	GV	Địa	LSĐL (Địa)
5	Phan Anh Quốc	GV	GDCD	GDCD
6	Trần Khánh Vân	GV	T. Anh	T. Anh
7	Nguyễn Viết Thìn	GV	Lý	KHTN (Lý)
8	Nguyễn Đức Trường	GV	Hóa	KHTN (Hóa)
10	Lê Thị Hồng Mậu	GV	Sinh	KHTN (Sinh)
11	Nguyễn Thị Minh Quý	GV	Toán	Toán
12	Phan Văn Vương	GV	Toán	Toán
13	H Ngoan Niê	GV	Sinh	Công nghệ
14	Bùi Thị Thủy	GV	Tin	Tin
15	Phan Tư Nghiệm	GV	Mỹ thuật	Nghệ thuật (Mỹ thuật)
16	H Quý Kriêng	GV	Âm nhạc	Nghệ thuật (Âm nhạc)
17	Võ Thành Quang	GV	TDTT	GDTC
18	Chu Thanh Tùng	GV	TDTT	GDTC

Bảng phân công giảng dạy lớp 7 theo Chương trình GDPT 2018

STT	HỌ VÀ TÊN	DẠY MÔN	Ghi chú
1	Phan Văn Vương	Toán	
2	Nguyễn Thị Minh Quý	Toán	
3	Nguyễn Thị An	Ngữ văn	
4	Lê Tô Juy Ly	Ngữ văn	
5	Lê Thị Cẩm Tú	Tiếng Anh	
6	Trần Khành Vân	Tiếng Anh	
7	Hà Thị Hợi	Lịch sử &Địa Lý	Chủ đề Địa lý
8	Bùi Văn Thịnh	Lịch sử & Địa Lý	Chủ đề Lịch sử
9	Đỗ Ngọc Thông	KHTN	Chủ đề Vật lý
10	Lê Thị Hồng Mậu	KHTN	Chủ đề Hóa-Sinh
11	Nguyễn Văn Việt	KHTN	Chủ đề Hóa-Sinh
12	Võ Thành Quang	GDTC	
13	Trần Văn Hợi	GDTC	
14	Phạm Trung Thành	GDCD	
15	Lê Công Hải	Tin học	

STT	HỌ VÀ TÊN	DẠY MÔN	Ghi chú
16	Phan Tư Nghiệm	Nghệ thuật	Chủ đề Mỹ thuật
17	H Qúy Kriêng	Nghệ thuật	Chủ đề Âm nhạc
18	H Mler Niê	Công nghệ	
19	Y Phước Ayun	Công nghệ	
20	Các GVBM có chương trình GDĐP	GD Địa phương	
21	Hiệu trưởng + TPT Đội và GVCN	Trải nghiệm	1 tiết SH dưới cờ (HT+TPT); 1 tiết dạy trên TKB+ 1 tiết SHL (GVCN)

Lưu ý: Đối với Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được phân bổ cho giáo viên làm công tác chủ nhiệm và giáo viên thiếu tiết thực hiện theo các Chuyên đề nêu trên. Riêng 11 đồng chí giáo viên được phân công dự kiến chủ nhiệm lớp 6, 7 năm học 2022 – 2023. Trong đó các đồng chí giáo viên chủ nhiệm khối lớp 6, 7 sẽ đảm bảo đủ định mức 105 tiết/năm. Đồng thời tùy thuộc vào mỗi chủ đề trải nghiệm, hướng nghiệp sẽ được bố trí, sắp xếp, điều động tham gia hoạt động chung và được tính 3 tiết/buổi.

- Đối với bộ môn GDĐP: Căn cứ vào nội dung chương trình do UBND tỉnh biên soạn sẽ bố trí cho giáo viên giảng dạy phù hợp với nội dung và được bố trí vào học kỳ II với 2 tiết/tuần, riêng tuần 19 sẽ bố trí 3 tiết/tuần đảm bảo 35 tiết/năm học theo quy định.

Bảng phân công giảng dạy lớp 8, 9 theo chương trình hiện hành

TT	Họ và tên	Chức vụ	Chuyên môn chính	Phân công dạy
1	Bùi Đình Thảo	Hiệu trưởng	Văn	*Căn cứ Bảng phân công chuyên môn đính kèm Kế hoạch*
2	Nguyễn Bình Xuyên	Phó hiệu trưởng	Tin	
3	Doãn Thị Thu	Phó hiệu trưởng	Địa	
4	Phan Văn Vương	GV	Toán	
5	Nguyễn Thị M Quý	GV	Toán	
6	Nguyễn Thị A Đoài	GV	Toán	
7	Nông Văn Toàn	GV	Toán	
8	Huỳnh Mạnh Dũng	GV	Toán	
9	Lê Thị Thu Hạnh	GV	Toán	
10	Lê Hữu Thành	GV	Toán	
11	Lê Tô Juy Ly	GV	Văn	
12	Nguyễn Thị An	GV	Văn	
13	Đinh Thị Kiều Hoa	GV	Văn	
14	Trần Văn Lâm	GV	Văn	
15	Phan Thi Thu Hằng	GV	Văn	

TT	Họ và tên	Chức vụ	Chuyên môn chính	Phân công dạy
16	H Noan Niê	GV	Văn	
17	Nguyễn Thi M Hằng	GV	Văn	
18	Nguyễn Thị Hoa	GV	Văn	
19	Trần Thị H Nhân	GV	Lý	
20	Đỗ Ngọc Thông	GV	Lý	
21	Nguyễn Viết Thìn	GV	Lý	
22	Nguyễn Văn Việt	GV	Hóa	
23	Lê Thi Hồng Mậu	GV	Sinh	
24	Y Phước Ayun	GV	Sinh	
25	Nguyễn Đức Trường	GV	Sinh	
26	Phạm Thị Tâm	GV	Sử	
27	Bùi Văn Thịnh	GV	Sử	
28	Phan Anh Quốc	GV	Sử	
29	Phạm Trung Thành	GV	Gdcd	
30	H' Mler Niê	GV	Địa	
31	Hà Thị Hợi	GV	Địa	
32	Lê Công Hải	GV	Tin	
33	Bùi Thị Thủy	GV	Tin	
34	Nguyễn Thị N Phương	GV	Tin	
35	Trần Thị Hoàng Yến	GV	Anh	
36	Lê Thị Cẩm Tú	GV	Anh	
37	Trần Khánh Vân	GV	Anh	
38	Lương Hữu Hải	GV	Anh	
39	Nguyễn Thị H Hải	GV	Anh	
40	Phan Tư Nghiệm	GV	MT	
41	H' Quý Kriêng	GV	ÂN	
42	Võ Thành Quang	GV	TD	
43	Trần Văn Hợi	GV	TD	
44	Chu Thanh Tùng	GV	TD	

Lưu ý: Sau khi cân đối định mức tiết dạy đối với các bộ môn, những trường hợp giáo viên thiếu tiết so với quy định sẽ tham gia thực hiện theo các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và xem kiểm tra đánh giá tập trung.

2. Công tác phối hợp với các bên liên quan

- Nhà trường chủ động tham mưu chính quyền địa phương tạo mọi điều kiện tốt nhất để các hoạt động giáo dục của nhà trường đạt hiệu quả cao nhất.

- Phối hợp với ban đại diện cha mẹ học sinh, các doanh nghiệp đóng trên địa bàn, các tổ chức đoàn thể để tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh.

3. Công tác kiểm tra, giám sát.

- Việc giám sát đánh giá và điều chỉnh kế hoạch dạy học, giáo dục được thực hiện thường xuyên trong suốt năm học kết hợp với hoạt động tự đánh giá trong quản lý chất lượng Trường THCS.

- Hiệu trưởng thực hiện chỉ đạo hoạt động giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch dạy học, giáo dục thương xuyên hàng ngày, hàng tuần thông qua kiểm tra sổ đầu bài, dự giờ thăm lớp, hồ sơ chuyên môn của giáo viên, qua học sinh, cha mẹ học sinh…

- Làm tốt công tác kiểm tra nội bộ, các thành viên trong ban kiểm tra nội bộ cần làm tốt nhiêm vụ.

- Mỗi giáo viên cần có thói quen tự kiểm tra việc thực hiện kế hoạch của mình để có điều chỉnh và phản ánh kịp thời với tổ chuyên môn, ban giám hiệu.

4. Chế độ thông tin báo cáo

- Tổ trưởng chuyên môn định kỳ báo cáo hiệu trưởng về tình hình của tổ, có các ý kiến tham mưu đề xuất kịp thời về các công việc có liên quan đến thực hiện đổi mới hoạt động dạy học trong nhà trường.

- Định kỳ báo cáo theo tuần, tháng, học kỳ để Hiệu trưởng tổng hợp báo cáo cấp trên kịp thời.

Trên đây là kế hoạch giáo dục của trường THCS Nguyễn Trường Tộ năm học 2022- 2023. Lãnh đạo nhà trường yêu cầu cán bộ, giáo viên, nhân viên cụ thể hóa bằng kế hoạch cá nhân và nghiêm túc thực hiện kế hoạch này.

Trong quá trình thực hiện nếu có sự thay đổi để phù hợp với thực tiễn và các văn bản chỉ đạo có hiệu lực liên quan sẽ được bổ sung bằng văn bản và công bố rộng rãi đến các đồng chí cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh và học sinh toàn trường được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:
- Phòng GDĐT huyện;
- UBND xã Ea H'đing;
- CBGVNV nhà trường;
- Ban đại diện CMHS;
- Zalo, Facebook trường
- Website trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO H. CƯ M'GAR T. ĐẮK LẮK
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ NGUYỄN TRƯỜNG TỘ

Bùi Đình Thảo